

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính 1		
Mã học phần:	71ACCT30093	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30093_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

SV chỉ được tham khảo tài liệu giấy

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các nguyên tắc kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán các khoản mục tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, khoản phải trả, vốn chủ sở hữu để tính giá các đối tượng kế toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO1/ PI1.1
CLO2	Vận dụng các quy định của Chế độ kế toán để trình bày các chỉ tiêu liên quan trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO2/ PI2.1
CLO3	Thực hiện việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, phải thu, hàng tồn kho, khoản phải trả, tài sản cố định, vốn chủ sở hữu.	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO8/ PI8.1
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/ PI9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)

Câu 1a-CLO1[lần 1]:

Kết quả kiểm kê Quỹ tiền mặt phát hiện số tiền thực tế là 121.000.000 đồng, số tiền ghi trong sổ sách 121.500.000 đồng, khoản chênh lệch này chưa biết nguyên nhân. Kế toán ghi nhận khoản chênh lệch như sau:

- A.** Nợ TK 1381 500.000
 Có TK 111 500.000
- B.** Nợ TK 1388 500.000
 Có TK 111 500.000
- C.** Nợ TK 111 500.000
 Có TK 3388 500.000
- D.** Nợ TK 111 500.000
 Có TK 3381 500.000

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1[lần 1]:

Kết quả kiểm kê Quỹ tiền mặt phát hiện số tiền thực tế là 121.500.000 đồng, số tiền ghi trong sổ sách 121.000.000 đồng, khoản chênh lệch này chưa biết nguyên nhân. Kế toán ghi nhận khoản chênh lệch như sau:

- A.** Nợ TK 111 500.000
 Có TK 3381 500.000
- B.** Nợ TK 1388 500.000
 Có TK 111 500.000
- C.** Nợ TK 111 500.000
 Có TK 3388 500.000
- D.** Nợ TK 1381 500.000
 Có TK 111 500.000

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 2)**Câu 2a-CLO1[lần 1]**

Ngày 27/1/N, công ty mua một lô nguyên vật liệu với giá mua chưa thuế GTGT là 8.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 8%, chưa thanh toán tiền cho bên bán. Biết lô NVL này cuối tháng vẫn chưa về nhập kho, kế toán tiến hành ghi sổ tại ngày 27/1/N như sau:

- A.** Lưu hồ sơ, chờ hàng về
- B.** Nợ TK 152 8.000.000

Nợ TK 1331	640.000	
	Có TK 331	8.640.000
C. Nợ TK 151	8.000.000	
	Nợ TK 1331	640.000
	Có TK 331	8.640.000
D. Nợ TK 151	8.640.000	
	Có TK 331	8.640.000

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1[lần 1]

Ngày 27/1/N, công ty mua một lô nguyên vật liệu với giá mua chưa thuế GTGT là 8.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 8%, chưa thanh toán tiền cho bên bán. Biết lô NVL này cuối tháng vẫn chưa về nhập kho, kế toán tiến hành ghi sổ tại ngày cuối tháng như sau:

A. Nợ TK 151	8.000.000	
	Nợ TK 1331	640.000
	Có TK 331	8.640.000
B. Nợ TK 152	8.000.000	
	Nợ TK 1331	640.000
	Có TK 331	8.640.000
C. Lưu hồ sơ, chờ hàng về		
D. Nợ TK 151	8.640.000	
	Có TK 331	8.640.000

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)

Câu 3a-CLO1[lần 1]

Ngày 10/6/N, chuyển khoản 10.000.000 đồng để ứng trước tiền hàng cho người bán, đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng. Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 331	10.000.000	
	Có TK 112	10.000.000
B. Nợ TK 141	10.000.000	
	Có TK 112	10.000.000
C. Nợ TK 112	10.000.000	
	Có TK 131	10.000.000
D. Nợ TK 112	10.000.000	
	Có TK 331	10.000.000

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1[lần 1]

Ngày 10/6/N, nhận được giấy Có do khách hàng chuyển khoản 10.000.000 đồng để ứng trước tiền mua hàng cho doanh nghiệp. Kế toán định khoản:

- A. Nợ TK 112 10.000.000
 Có TK 131 10.000.000
- B. Nợ TK 141 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- C. Nợ TK 112 10.000.000
 Có TK 331 10.000.000
- D. Nợ TK 331 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 2)**Câu 4a-CLO1[lần 1]**

Ngày 1/10/N, công ty chuyển khoản 209.000.000 đồng mua một thiết bị sản xuất, trong đó bao gồm thuế GTGT được khấu trừ 10%. Chi phí lắp đặt thiết bị để đưa vào sử dụng ngay là 2.000.000 đồng, đã thanh toán bằng tạm ứng. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản trên là 6 năm, bút toán trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng vào cuối kỳ kế toán năm N là:

- A. Nợ TK 6274 8.000.000
 Có TK 214 8.000.000
- B. Nợ TK 6274 32.000.000
 Có TK 214 32.000.000
- C. Nợ TK 6274 2.666.667
 Có TK 214 2.666.667
- D. Nợ TK 6274 7.916.667
 Có TK 214 7.916.667

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1[lần 1]

Ngày 1/7/N, công ty chuyển khoản 209.000.000 đồng mua một thiết bị sản xuất, trong đó bao gồm thuế GTGT được khấu trừ 10%. Chi phí lắp đặt thiết bị để đưa vào sử dụng ngay là 2.000.000 đồng, đã thanh toán bằng tạm ứng. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản trên là 6

năm, bút toán trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng vào cuối kỳ kế toán năm N là:

- A.** Nợ TK 6274 16.000.000
 Có TK 214 16.000.000
- B.** Nợ TK 6274 32.000.000
 Có TK 214 32.000.000
- C.** Nợ TK 6274 2.666.667
 Có TK 214 2.666.667
- D.** Nợ TK 6274 15.833.333
 Có TK 214 15.833.333

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)

Câu 5a-CLO2[lần 1]

Số dư bên Có tại ngày 31/12/N của TK 131-A là 30.000.000 đồng, chi tiết đây là khoản doanh nghiệp nhận ứng trước từ khách hàng A cho hợp đồng bán hàng trong tháng 1/N+1. Thông tin này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A.** Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi dương 30.000.000
- B.** Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước dài hạn”, mã số 332, số tiền ghi dương 30.000.000
- C.** Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 30.000.000
- D.** Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền ghi dương 30.000.000

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2[lần 1]

Số dư bên Nợ tại ngày 31/12/N của TK 331-A là 30.000.000 đồng, chi tiết đây là khoản doanh nghiệp ứng trước cho người bán A liên quan đến hợp đồng mua hàng trong tháng 1/N+1. Thông tin này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A.** Chỉ tiêu “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, mã số 132, số tiền ghi dương là 30.000.000 đồng
- B.** Chỉ tiêu “Trả trước cho người bán dài hạn”, mã số 212, số tiền ghi dương là 30.000.000 đồng
- C.** Chỉ tiêu “Phải trả người bán dài hạn”, mã số 331, số tiền ghi dương 30.000.000 đồng
- D.** Chỉ tiêu “Phải trả người bán ngắn hạn”, mã số 311, số tiền ghi dương 30.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2[lần 1]

Số dư của các khoản mục hàng tồn kho sau khi khóa sổ ngày 31/12/N như sau: TK 152: 100.000.000 đồng; TK 153: 40.000.000 đồng; TK 156: 300.000.000 đồng; TK 157: 50.000.000 đồng; TK 2294: 30.000.000 đồng. Kế toán trình bày số liệu trên vào Bảng cân đối kế toán cuối năm N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 490.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (30.000.000)
- B. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 490.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 30.000.000
- C. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 460.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (30.000.000)
- D. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 460.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, cột số tiền ghi dương là 30.000.000

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 1]

Số dư của các khoản mục hàng tồn kho sau khi khóa sổ ngày 31/12/N như sau: TK 151: 15.000.000 đồng; TK 153: 30.000.000 đồng; TK 155: 300.000.000 đồng; TK 2294: 40.000.000 đồng. Kế toán trình bày số liệu trên vào Bảng cân đối kế toán cuối năm N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 345.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (40.000.000)
- B. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 345.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 40.000.000
- C. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 305.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (40.000.000)
- D. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 305.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, cột số tiền ghi dương là 40.000.000

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)**Câu 7a-CLO5[lần 1]**

Theo qui định hiện hành, doanh nghiệp tại Việt Nam được phép áp dụng một trong các phương pháp nào sau đây để tính giá trị hàng xuất kho?

- A. Nhập trước xuất trước, Thực tế đích danh, Bình quân gia quyền
- B. Nhập sau xuất trước, Thực tế đích danh, Bình quân gia quyền

C. kê khai thường xuyên, Kiểm kê định kỳ

D. Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, Thực tế đích danh, Bình quân gia quyền

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 1]

Theo qui định hiện hành, doanh nghiệp tại Việt Nam được phép áp dụng một trong các phương pháp kế toán hàng tồn kho nào sau đây?

A. kê khai thường xuyên, Kiểm kê định kỳ

B. Nhập sau xuất trước, Thực tế đích danh, Bình quân gia quyền

C. Nhập trước xuất trước, Thực tế đích danh, Bình quân gia quyền

D. Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, Thực tế đích danh, Bình quân gia quyền

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)

Câu 8a-CLO5[lần 1]

Theo qui định hiện hành, phần thuế GTGT đối với trường hợp mua sắm tài sản nào sau đây sẽ không được khấu trừ:

A. Máy móc sử dụng cho hoạt động phúc lợi

B. Xe tải dùng để giao hàng

C. Thiết bị sử dụng cho mục đích quản lý

D. Máy móc dùng để sản xuất sản phẩm

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5[lần 1]

Theo qui định hiện hành, điều kiện để doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm không bao gồm:

A. Tài sản cố định là các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm

B. Tài sản cố định tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh

C. Tài sản cố định liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm

D. Doanh nghiệp phải xác định khối lượng sản xuất được theo công suất thiết kế

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty TNHH An Huệ như sau:

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;

- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N:

<i>Tài khoản</i>	<i>Số dư (đồng)</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>
TK 156	500.000.000	2.000 sản phẩm, đơn giá 250.000 đồng/sản phẩm
TK 131-Tina	66.000.000	dư Nợ, khoản phải thu từ công ty Tina có thời hạn thu hồi 31/1/N+1
TK 131-Thiên An	100.000.000	dư Nợ, khoản phải thu từ công ty Thiên An, thời hạn thu hồi 30/6/N
<i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i>		

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N sau:

1.a.1. Ngày 2, mua chịu 1.000 sản phẩm hàng hóa nhập kho từ công ty TNHH Hoàng Phát với giá mua chưa thuế 280.000 đồng/sản phẩm, thuế suất GTGT 10%, điều kiện thanh toán 1/3, n/30. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho 3.000.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt.

1.a.2. Ngày 4, chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng cho công ty TNHH Hoàng Phát sau khi trừ chiết khấu được hưởng theo điều kiện thanh toán.

1.a.3. Ngày 5, xuất kho 2.500 sản phẩm bán cho siêu thị Go với giá bán chưa thuế GTGT 360.000 đồng/sản phẩm, thuế suất GTGT 10%, tiền hàng chưa thu.

1.a.4. Ngày 7, siêu thị Go đề nghị giảm giá 10% trên 500 sản phẩm bị lỗi. Doanh nghiệp đã xuất hóa đơn điều chỉnh giảm giá và cân trừ trên nợ phải thu cho siêu thị Go.

1.a.5. Ngày 9, chuyển khoản mua một thiết bị quản lý lắp đặt sử dụng ngay tại phòng Kế toán với giá chưa thuế 200.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%. Thiết bị trên có thời gian sử dụng ước tính 10 năm.

1.a.6. Ngày 10, nhận được Giấy báo Có của ngân hàng ACB về khoản siêu thị Go thanh toán tiền hàng.

1.a.7. Ngày 11, công ty chi tiền mặt mua một máy tính tiền sử dụng tại cửa hàng với giá mua chưa thuế 3.600.000 đồng, thuế suất GTGT 10%, thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng bắt đầu từ tháng 12/N.

1.a.8. Ngày 31, kế toán thực hiện các bút toán điều chỉnh sau:

- Trích khấu hao thiết bị quản lý đang sử dụng tại phòng Kế toán;
- Phân bổ công cụ dụng cụ (máy tính tiền) đang sử dụng tại cửa hàng;
- Trích lập dự phòng do khoản nợ phải thu quá hạn đối với công ty Thiên An.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
II. Tự luận		6.0	
1.a.1	Nợ TK 156 280.000.000 Nợ TK 1331 28.000.000 Có TK 331-HP 308.000.000 Nợ TK 156 3.000.000 Có TK 1111 2.000.000	0.5 0.5	
1.a.2	Nợ TK 331-HP 308.000.000 Có TK 515 3.080.000 Có TK 1121 304.920.000	0.5	
1.a.3	Nợ TK 131-Go 990.000.000 Có TK 5111 900.000.000 Có TK 33311 90.000.000 Đơn giá xuất kho = (500.000.000+280.000.000+3.000.000)/(2.000+1.000) = 261.000 đồng/sản phẩm Giá xuất kho = 261.000 x 2.500 = 652.500.000 Nợ TK 632 652.000.000 Có TK 156 652.000.000	0.5 0.5	
1.a.4.	Nợ TK 5213 14.000.000 (=10% x 500 x 280.000) Nợ TK 33311 1.400.000 Có TK 131-Go 15.400.000	0.5	

1.a.5.	Nợ TK 2112	200.000.000	0.5	
	Nợ TK 1332	20.000.000		
	Có TK 1121	220.000.000		
1.a.6	Nợ TK 1121	974.000.000	0.5	
	Có TK 131-Go	974.000.000		
1.a.7	Nợ TK 242	3.600.000	0.5	
	Nợ TK 1331	360.000		
	Có TK 1111	3.960.000		
1.a.8	Phân bổ CCDC		0.5	
	Nợ TK 6413	600.000		
	Có TK 242	600.000		
	Trích khấu hao TSCĐ:		0.5	
	Nợ TK 6424	2.060.932		
	Có TK 2141	2.060.932		
	(= 200.000.000*(31-9+1)/(6*12*31))			
Trích lập dự phòng: 30%*100.000.000 = 30.000.000				
Nợ TK 6426	30.000.000	0.5		
Có TK 2293	30.000.000			
	Điểm tổng	10.0		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 Tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề




ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng